

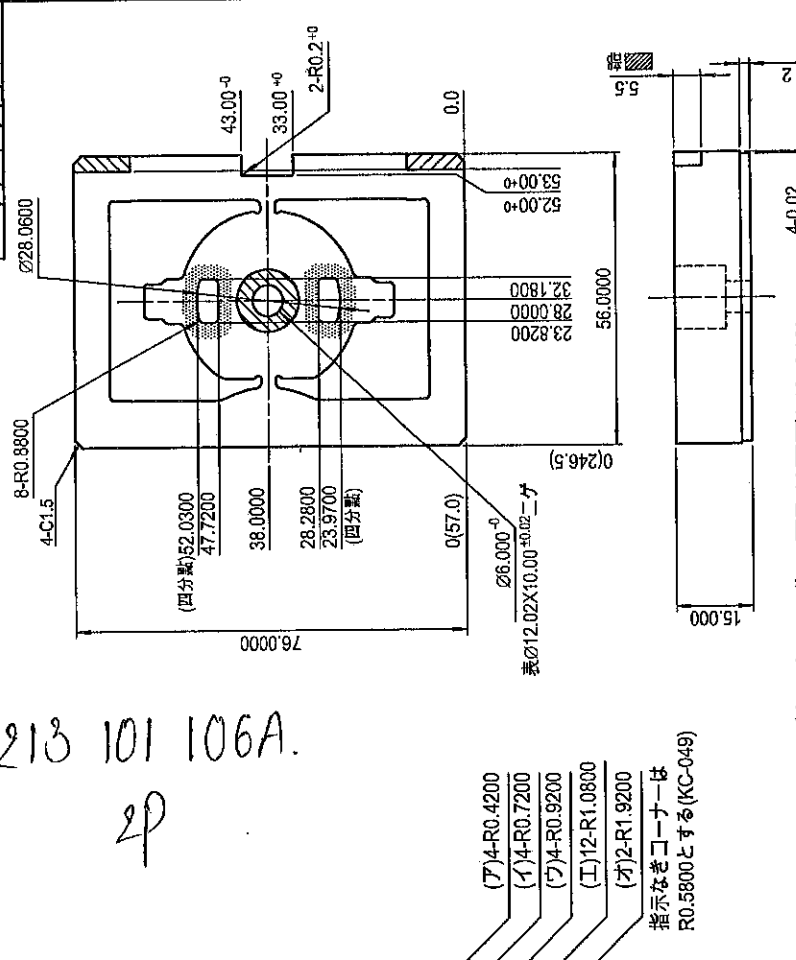
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2016/04/28	新機設計		Liu Wei Zhang Chang Ping Wang		0.0000 ± 0.002 0.000 -0.005 0.000 ± 0.005 0.000 -0.005
△						0.00 ± 0.01 0.00 -0.01
△						0.0 ± 0.1 0.00 -0.01
△						0. ± 0.2 0.0 -0.1

	-0.1	-0
	0.0	0



TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

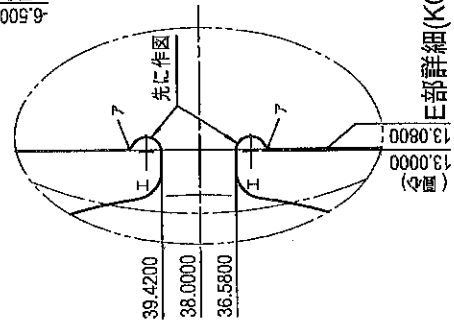
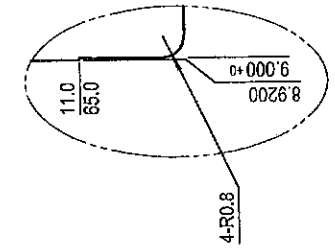
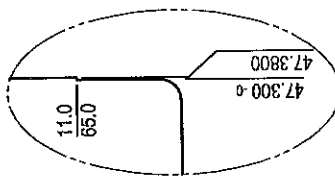
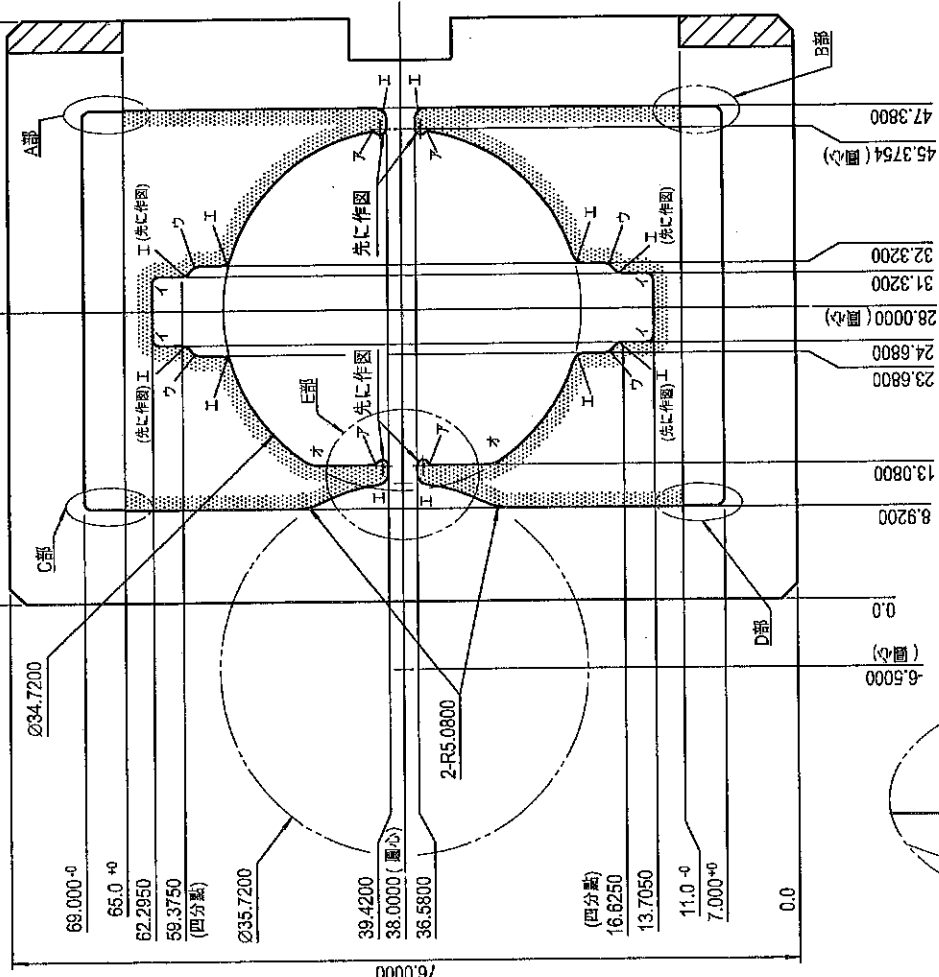
FINISH MARKS

G



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)
切刃ニゲ勾配ダイ上面より10°とする(KC-050)
4mm後1°ニゲ加工のこと(KC-051)

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rong	部品図	サイドカットダイ
QUENCHTEMPER	SURFACE	PART DRAWING	SIDE CUT DIE
HRC 60 ° ~ 62 °		部品図	側切削下模
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG No.
SKD11	2016/04/29	1:1(2/1)(5/1)	R066180
			



A,B部詳細(KC-022)

C,D部詳細(KC-022)

三 部 詳 細 (KC-022)

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	